



BẢN TIN THÁNG:

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO - SỐ 13

THÁNG
07/2021



A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:**I. GIÁ GẠO TRONG THÁNG 07: (Nguồn Oryza.com)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÌNH QUÂN	So T06.21	So T07.20
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	393	427	411	-38	-61
	5% tấm	383	417	401	-38	-61
	25% tấm	373	402	387	-33	-60
	Hom Mali 92%	613	657	630	-45	-351
	Gạo đỏ 100% Stxd	394	429	410	-39	-66
	A1 Super	356	372	364	-21	-47
VIỆT NAM	5% tấm	390	472	426	-55	-35
	25% tấm	370	452	406	-54	-38
	Jasmine	558	562	560	-1	+1
	100% tấm	330	417	361	-56	-19
ẤN ĐỘ	5% tấm	383	387	385	-5	+5
	25% tấm	353	357	355	-5	+5
	Gạo đỏ 5% Stxd	353	367	359	-7	-21
	100% tấm Stxd	273	282	276	+1	-24
PAKISTAN	5% tấm	363	417	390	-39	-37
	25% tấm	328	362	340	-31	-32
	100% tấm Stxd	323	342	335	-10	+10
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	375	412	388	-25	-46
MỸ	4% tấm	593	597	595	-223	-50
	15% tấm (Sacked)	568	572	570	-7	-20
	Gạo đỏ 4% tấm	598	605	602	-3	-3
	Calrose 4%	1.051	1.119	1.092	+54	+154

II. SỰ KIỆN TRONG THÁNG:**1. Dự báo thị trường thương mại gạo toàn cầu:**

Cập nhật T07.2021	Sản lượng 2021/22 (triệu tấn)	So 2020/21	Thương mại 2021/22 (triệu tấn)	So 2020/21	Tồn kho cuối kỳ 2021/22 (triệu tấn)	So 2020/21
IGC	511,0	+1,19%	47,0	+2,17%	171,0	+0,59%
USDA	506,0	+0,22%	47,0	-1,88%	167,0	-4,52%
FAO	519,5	+1,01%	48,0	-0,42%	184,9	+0,49%

2. Dự báo tình hình xuất khẩu toàn cầu niên vụ 2020/2021:
(Theo USDA đến ngày 12/08/2021; ĐVT: triệu tấn)

Nước xuất khẩu	2017	2018	2019	2020	2021 (T6.2021)	2021 (T7.2021)	Điều chỉnh
Ấn Độ	11,791	9,813	14,560	18,500	15,500	16,000	+0,500
Thái Lan	11,213	7,562	5,706	5,800	6,500	6,500	-
Việt Nam	6,590	6,581	6,167	6,300	6,300	6,400	+0,100
Pakistan	3,913	4,550	3,934	4,200	4,300	4,300	-
Mỹ	2,776	3,142	2,858	2,950	2,850	2,875	+0,025
Các nước khác	12,014	12,276	11,992	10,565	11,559	11,584	+0,025
Cả Thế giới	48,297	43,924	45,217	48,315	47,009	47,659	+0,650

3. Dự báo tình hình nhập khẩu toàn cầu niên vụ 2020/2021:
(Theo USDA đến ngày 12/08/2021; ĐVT: triệu tấn)

Nước nhập khẩu	2017	2018	2019	2020	2021 (T4.2021)	2021 (T5.2021)	Điều chỉnh
Trung Quốc	4,500	2,800	3,200	3,900	3,000	3,600	+0,600
Philippines	2,500	2,900	2,450	2,100	2,100	2,100	-
Nigeria	2,100	1,800	1,800	1,900	2,000	2,000	-
Senegal	1,100	1,000	1,050	1,150	1,250	1,250	-
Saudi Arabia	1,290	1,425	1,613	1,500	1,400	1,400	-
Bangladesh	1,400	0,080	0,020	1,300	1,300	1,300	-
Bờ Biển Ngà	1,500	1,350	1,100	1,200	1,250	1,250	-
Malaysia	0,800	1,000	1,220	1,100	1,100	1,100	-
Iraq	1,237	1,263	0,970	1,150	1,150	1,200	+0,050
Liên Minh Châu Âu	1,633	1,799	1,994	1,850	2,100	2,000	-0,100
Các nước khác	30,237	28,507	29,800	31,165	30,359	30,459	+0,050
Cả Thế giới	48,297	43,924	45,217	48,315	47,009	47,659	+0650

4. Các thị trường chính:

Giá cước container xuất phát từ các cảng khu vực châu Á đi Mỹ và châu Âu tăng phi mã trong tuần cuối tháng 7/2021. Chỉ số đo lường hiệu suất 8 lộ trình vận tải hàng hóa thương mại đường biển chính trên thế giới đã tăng lên mức 8.883 USD, gấp 6,78 lần so với cùng kỳ năm 2020. Giá cước tiếp tục leo thang do tình trạng khan hiếm container rỗng trên các tuyến chính vẫn không có dấu hiệu hạ nhiệt và dự báo vấn đề này sẽ không thể cải thiện trong năm nay và hoàn toàn có khả năng kéo dài sang năm sau.

THÁI LAN:

Kết thúc tháng 07/2021 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 385 USD/tấn, giảm khoảng 30 USD/tấn so với thời điểm tháng 06/2021 và giảm khoảng 80 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Thái Lan xuất khẩu tổng cộng 2,2 triệu tấn gạo các loại trong 6 tháng đầu năm 2021, giảm khoảng 21% so với cùng kỳ năm ngoái.

ẤN ĐỘ:

Kết thúc tháng 07/2021 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 385 USD/tấn, không đổi so với thời điểm tháng 06/2021 và tăng khoảng 5 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Tính đến ngày 01/07/2021, tồn kho gạo cả nước đạt 49,11 triệu tấn, bao gồm 28,99 triệu tấn lúa quy gạo, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước và giảm nhẹ so với mức 49,15 triệu tấn thời điểm 01/06/2021.

Ấn Độ xuất khẩu 2,018 triệu tấn gạo các loại trong tháng 4/2021, bao gồm 1,66 triệu tấn gạo non-basmati và 358.036 tấn gạo basmati, tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái, riêng khối lượng gạo non-basmati xuất khẩu tăng gấp bốn lần.

PAKISTAN:

Kết thúc tháng 07/2021 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 365 USD/tấn, giảm khoảng 45 USD/ tấn so với thời điểm tháng 06/2021 và giảm khoảng 55 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Bộ Thương mại Pakistan xác nhận Trung Quốc không ban hành lệnh cấm nhập khẩu gạo từ Pakistan mà chỉ tăng cường áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp kiểm dịch và nghị định thư về an toàn vệ sinh thực phẩm bao gồm cả việc kiểm tra sự hiện diện của Covid-19 trên các lô hàng nhập khẩu trước khi thông quan.

INDONESIA:

Chính phủ nước này cho biết có thể sẽ không nhập khẩu gạo trong những tháng còn lại của năm 2021 do tồn kho hiện tại vẫn đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ nội địa trong 12 tháng tới. Tồn kho gạo của Bulog hiện vào khoảng 1,39 triệu tấn. Chính phủ Indonesia đang nỗ lực bình ổn giá lương thực trong nước giữa bối cảnh giãn cách xã hội do dịch bệnh Covid-19. Dự báo sản lượng lúa năm 2021 sẽ vượt con số 33 triệu tấn của năm 2020.

PHILIPPINES:

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Philippines đã nhập khẩu tổng cộng 1,26 triệu tấn gạo các loại, thấp hơn 11% so với cùng kỳ năm 2020.

Tính đến ngày 01/06/2021, tồn kho gạo cả nước đạt 2,531 triệu tấn, tăng khoảng 10% so với cùng kỳ năm ngoái và giảm khoảng 2,1% so với thời điểm 01/05/2021.

TRUNG QUỐC:

Cơn bão In-FA đổ bộ vào bờ đông Trung Quốc gây ra mưa nhiều và gió mạnh tại các vùng sản xuất cây lương thực chính như An Huy, Hồ Nam, Sơn Đông, Giang Tô và Chiết Giang. Hoạt động sản xuất lúa gạo tại những vùng này cũng bị ảnh hưởng và dự báo thời điểm thu hoạch vụ lúa sớm sẽ gặp nhiều bất lợi.

Trong báo cáo ngành hàng tháng 7/2021, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo nhập khẩu gạo năm 2021/22 của Trung Quốc sẽ nhiều hơn do giá nội địa

tăng. Trong 5 tháng đầu năm 2021, Trung Quốc đã nhập khẩu hơn 2,2 triệu tấn gạo các loại.

CHÂU ÂU:

Từ ngày 01/09/2020-25/07/2021 năm thị trường 2020/21, EU và Anh đã nhập khẩu 1,087 triệu tấn quy gạo các loại, giảm khoảng 26% so với cùng kỳ năm trước.

IRAN:

Văn phòng Hải quan (IRICA) thúc giục chính phủ nước này gỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu gạo tạm thời trước tình hình nguồn cung gạo hàng hóa trong nước đang xuống thấp. Lệnh cấm này đã được áp dụng từ ngày 22/06/2021 và sẽ kéo dài trong vòng 4 tháng nhằm mục đích bảo hộ ngành sản xuất lúa gạo trong nước. Tồn kho gạo của IRICA hiện chỉ còn khoảng 52.000 tấn và do đó họ lo ngại giá gạo nội địa sẽ leo thang trong thời gian tới. Cơ quan này cũng lưu ý khối lượng gạo nhập khẩu từ đầu năm thị trường 2021 (bắt đầu vào ngày 21/3/2021) sụt giảm mạnh, chỉ với 86.367 tấn, thấp hơn rất nhiều so với con số 277.691 tấn năm 2020.

5. Thông tin thầu:

Hàn Quốc, Công ty Thương mại Thực phẩm và Nông-Thủy sản Hàn Quốc (KAFTC) đang mở thầu tìm kiếm nguồn cung cho số lượng khoảng 39.226 tấn gạo lứt/ xay xát (non-glutinous) với thời gian giao hàng từ 31/1/2022-31/3/2022. Hạn chót nhận hồ sơ thầu là 15h00 giờ địa phương, ngày 10/8/2021. Thầu sẽ được diễn ra vào lúc 10:00-11:00 sáng ngày 11/08/2021.

Nhật Bản, đã nhập khẩu 9.460 tấn gạo thông qua đợt thầu quốc tế mở ngày 16/6/2021 – theo thông tin từ trang tin của Bộ Nông, Lâm, Nghiệp Nhật Bản (MAFF). Đây cũng là đợt thầu nhập khẩu truyền thống đầu tiên trong năm tài chính 2021/22 (tháng 4/2021 – tháng 3/2022) của nước này.

III. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC: (Nguồn: www.xe.com)

Ngoại tệ	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,46	6,51	6,48
Euro (USD/Euro)	1,18	1,19	1,18
Rupiah Indonesia (IDR)	14.457,25	14.540,33	14.500,34
Rupee Ấn Độ (INR)	74,25	74,86	74,53
Yen Nhật Bản (JPY)	109,48	111,55	110,25
Philippines Peso (PHP)	49,28	51,04	50,13
Pakistan Rupees (PKR)	158,04	162,38	160,08
Baht Thái Lan (THB)	32,08	32,96	32,64
Vietnamese Dong (VND)	22.922,93	23.059,04	23.000,31

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**I. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:****1. Kết quả xuất khẩu:**

Theo số liệu tổng hợp, kết quả xuất khẩu tháng 7/2021 đạt 464.792 tấn, trị giá 240,153 triệu USD so với cùng kỳ giảm 2,92% về số lượng và tăng 3,59% về trị giá. Lũy kế xuất khẩu gạo Việt Nam từ đầu năm đến ngày 31/07/2021 số lượng đạt 3,492 triệu tấn, trị giá 1,888 tỷ USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 12,69% và về trị giá giảm 3,10%.

*** Thị trường xuất khẩu lũy kế 7 tháng/2021:**

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Angola	937	459.346	0,03%
Australia	20.867	13.288.586	0,60%
Bangladesh	52.862	31.971.711	1,51%
Belgium	1.736	1.272.329	0,05%
Cuba	152.250	80.321.802	4,36%
Chile	118	98.871	0,00%
China	643.351	338.210.734	18,42%
East Timor	30.987	2.809.155	0,89%
France	1.894	1.338.006	0,05%
Ghana	388.978	228.195.025	11,14%
Hongkong	48.754	29.869.712	1,40%
Indonesia	26.358	3.264.802	0,75%
Ivory Coast	267.549	136.510.765	7,66%
Laos	11.329	5.312.032	0,32%
Malaysia	166.673	87.371.859	4,77%
Mozambique	25.254	15.108.363	0,72%
Netherlands	5.878	3.936.742	0,17%
Papua New Guinea	18.622	9.164.131	0,53%
Poland	3.779	2.393.586	0,11%
Philippines	1.270.711	665.718.125	36,39%
Russia	996	724.603	0,03%
Saudi Arabia	14.449	9.444.424	0,41%
Senegal	281	180.880	0,01%
Singapore	76.216	44.122.565	2,18%
South Africa	3.234	2.104.093	0,09%
Spain	326	226.021	0,01%
Taiwan	12.145	6.655.348	0,35%
Tanzania	6.259	3.879.312	0,18%

Turkey	1.253	886.578	0,04%
Ukraine	730	501.799	0,02%
United Arab Emirates	25.519	15.960.107	0,73%
United States of America	9.493	7.049.118	0,27%
<i>Các nước khác</i>	<i>202.524</i>	<i>139.863.437</i>	<i>5,80%</i>
TỔNG CỘNG	3.492.313	1.888.213.967	100,00%

2. Bảng tàu xếp hàng:

Từ ngày 01/07 - 31/07/2021, có 30 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 261.449 tấn gạo các loại trong đó, 19 tàu cảng Hồ Chí Minh và 11 tàu cảng Mỹ Thới.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Kiến Hưng	Mỹ Thới	01/07/2021	2.700	Philippines
2	Josesfa	HCM	02/07/2021	30.000	Cuba
3	New Xa La	Mỹ Thới	02/07/2021	4.000	Philippines
4	Samurai Indad	Mỹ Thới	02/07/2021	1.500	Malaysia
5	Sunrice 69	HCM	02/07/2021	6.500	Philippines
6	T-phia	Mỹ Thới	02/07/2021	2.300	Philippines
7	Hòa Bình 54	HCM	03/07/2021	5.000	Philippines
8	Nasico Eagle	HCM	04/07/2021	6.300	Philippines
9	An Bình 18	HCM	06/07/2021	4.000	Philippines
10	Long Mon	HCM	08/07/2021	5.000	Philippines
11	PHC Maritime	HCM	08/07/2021	8.200	Philippines
12	An Thịnh Phú 08	HCM	09/07/2021	6.200	Philippines
13	Fleet Trader II	HCM	09/07/2021	30.349	Châu Phi
14	Hải Phương 619	Mỹ Thới	09/07/2021	4.200	Philippines
15	Trogir	HCM	09/07/2021	40.300	Châu Phi
16	Hoàng Phượng Vigor	HCM	11/07/2021	5.100	Philippines
17	Pacific Sofia	HCM	11/07/2021	45.500	Châu Phi
18	Hải Hà 388	HCM	17/07/2021	3.800	Philippines
19	Royal 45	Mỹ Thới	17/07/2021	3.950	Philippines
20	Sea Dragon 9999	HCM	18/07/2021	4.900	Malaysia
21	Hoà Bình 09	HCM	19/07/2021	6.400	Philippines
22	J-Saphia	Mỹ Thới	23/07/2021	2.300	Philippines
23	Việt Hải Sun	HCM	24/07/2021	6.500	Philippines
24	Việt Hải Star	HCM	25/07/2021	4.000	Philippines
25	Kiến Hưng	Mỹ Thới	31/07/2021	1.350	Philippines
26	Quang Minh 18	HCM	28/07/2021	4.100	Philippines
27	Sky Fortune	HCM	29/07/2021	5.200	Philippines

28	Hải Hà 58	Mỹ Thới	29/07/2021	3.800	Philippines
29	Hà Đông	Mỹ Thới	30/07/2021	4.000	Philippines
30	Quang Minh 18	Mỹ Thới	30/07/2021	4.000	Philippines
Tổng				261.449	

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

* Từ ngày 01/07 đến 31/07/2021:

- Vụ Hè Thu: đã xuống giống thêm 9 ngàn ha/1,521 triệu ha diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được 343 ngàn ha với năng suất khoảng 57,98 tạ/ha.

* Tính đến ngày 31/07/2021:

- Vụ Hè Thu: Diện tích xuống giống được 1,510 triệu ha/1,521 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 99,32%, đã thu hoạch được 586 ngàn ha với năng suất khoảng 57,98 tạ/ha, đạt sản lượng khoảng 3,395 triệu tấn.

2. Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:

Loại Hàng	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá BQ	So với T06/2021	So với T07/2020
Lúa Tươi Tại Ruộng					
Hạt dài	6.400	5.400	5.709	+1	+325
Lúa thường	5.650	4.650	5.185	-139	-13
Lúa Khô/ Ướt Tại Kho					
Hạt dài	9.500	5.800	7.007	+67	+697
Lúa thường	7.750	5.000	6.356	-27	+211
Gạo Nguyên Liệu					
Lứt loại 1	10.500	8.300	8.952	-316	+685
Lứt loại 2	8.150	7.000	7.591	-490	-333
Xát trắng loại 1	11.100	9.600	10.075	-338	+332
Xát trắng loại 2	9.200	8.100	8.484	-771	-967
Phu Phẩm					
Tám ½	8.650	7.050	7.443	-529	-85
Tám 2/3	7.550	6.650	7.093	-451	+91
Tám ¾	7.450	6.650	6.870	-371	+317
Cám xát	7.650	7.150	7.350	-179	+1.849
Cám lau	7.650	7.150	7.350	-179	+1.854
Gạo TPXK Không Bao Tại Man					
Gạo trắng 5% tấm	9.600	8.400	8.974	-978	-637
Gạo trắng 10% tấm	9.350	8.300	8.705	-1.333	-840
Gạo trắng 15% tấm	9.400	8.260	8.771	-962	-550
Gạo trắng 20% tấm	9.150	8.200	8.570	-1.211	-748

Gạo trắng 25% tấm	9.200	8.000	8.563	-910	-482
-------------------	-------	-------	-------	------	------

C/ HẠT GẠO & MÓN NGON VIỆT NAM:

1. Giống gạo Việt Nam: OM46

* Nguồn gốc:

OM46 là giống lúa do Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long nghiên cứu lai tạo.

* Đặc điểm chính:

Thời gian sinh trưởng từ 100 – 105 ngày. Phản ứng kháng với đạo ôn (cấp 5), rầy nâu (cấp 5) và bạc lá (cấp 7). Tiềm năng năng suất 5,5 - 8,0 tấn/ha.

* Diễn hình đã áp dụng thành công:

Giống lúa canh tác được các vụ trong năm và thích hợp cho các vùng sinh thái ở Đồng bằng sông Cửu Long.

* Phẩm chất gạo:

Tỷ lệ gạo nguyên: 59,5%; tỷ lệ bạc bụng: 2,7%, tỷ lệ D/R: 1,7. Chiều dài hạt 4,7mm, chiều rộng hạt: 2,8mm; Hàm lượng amylose 18,7%. Đặc biệt, khi nấu lên cơm trắng mềm.



(Nguồn ảnh: Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long)

(Nguồn: Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long)

2. Món ngon Việt Nam:

“Bánh gì mình đệt, nhân tròn?
Tên là bánh Ít, thảo thơm thì nhiều
Nghĩa tình nặng biết bao nhiêu
Phải lòng Nàng Út mà yêu thương hoài!”

Đó là câu thơ nói về chiếc bánh Ít Trần do nàng công chúa Út của Vua Hùng thứ 6 sáng tạo ra. Sự tích kể rằng, sau khi chàng Lang Liêu sáng tạo ra chiếc bánh Chưng và bánh Dày của dân tộc Việt, thì nàng công chúa Út của Vua Hùng thứ 6 nổi tiếng khéo tay vào bếp đã nảy ra ý định tạo ra loại bánh mới mà có mùi vị của 2 loại bánh trên. Nàng đã lấy chiếc bánh dày bọc nhân của bánh chưng để tạo ra hai loại bánh mới. Một loại dáng tròn không lá, một loại gói kín thành dáng vuông. Cả hai loại này đều làm nhỏ lại tỏ sự khiêm nhường, út ít. Từ đó bánh của nàng công chúa út được dân gian truyền tụng và để phân biệt với bánh của Lang Liêu người ta gọi đó là Bánh nàng út ít.



(Ảnh minh họa. Nguồn ảnh: Internet)

Theo dòng chảy của thời gian, “bánh nàng út ít” được cải tiến nhiều về hơn, và tên “bánh nàng út ít” đã được rút ngắn thành “bánh ít” như hôm nay. Bánh ít đã đi vào ca dao điệu nhạc, thành điệu hát lý trong bài “Lý bánh ít”:

“Ai mua bánh ít – Bán cho.
Nhân tôm, nhân thịt, nhân dừa thơm ngon...”

Với sự sáng tạo và đặc trưng của từng vùng miền, cùng với bàn tay khéo léo của người làm bánh mà bánh ít mang theo hương vị và màu sắc khác nhau như bánh ít trần của xứ Huế, Bánh ít Đà Nẵng, Bánh ít miền Tây,... Tuy nhiên, với miền đất võ Bình Định thì món bánh Ít lại có màu đen đặc trưng của lá gai thơm ngon và độc đáo.



(Ảnh minh họa. Nguồn ảnh: Internet)

Từ lúc nào không biết, bánh ít lá gai không chỉ được xem là món đặc sản mà còn là một nét văn hóa độc đáo của người dân xứ Nẫu. Giữa một rừng quà bánh truyền thống như bánh nậm, bánh bột lọc..., bánh ít lá gai hiện lên như một nốt nhạc trầm trầm mang đầy màu sắc dân gian và mộc mạc. Lâu lâu, người Bình Định vẫn cứ ngâm nga:

“Muốn ăn bánh ít lá gai
Lấy chồng Bình Định cho dài đường đi...”

Làm nên chiếc bánh phải kỳ công, vất vả cùng với sự khéo léo, thành thực. Nguyên liệu phải đủ năm thứ: lá gai, gạo nếp, đường, đậu xanh và lá chuối. Thoạt tiên, tìm lá gai. Lá gai hình tim, hơi sần, xốp, khô khô, theo y học dân tộc, lá gai còn có tên gọi là cây tầm ma, trử ma hay gai tuyết, dân gian dùng ngọn lá gai với một ít muối để chữa sinh hàn (thương thực). Lá được dùng để làm bánh phải chọn loại lá gai non, tước bỏ cọng, sống lá, chỉ lấy phần lá mềm. Làm một trăm bánh phải hái đến hai ba rổ lá. Rửa sạch, luộc khoảng 3-4 tiếng, để thật ráo nước.

Những nghệ nhân làm bánh cho biết khâu giã lá gai rất quan trọng, nên giã bằng tay thật lâu thay vì bằng máy, giã như vậy bột bánh mới mịn và dai quết dẻo ngon. Vì nếu lá gai không nhuyễn bánh ăn lợn cợn, tạo cảm giác không ngon. Ngoài ra, theo khoa học, trong lá gai có chứa nhiều vi chất, đặc biệt là chlorogenic (có khả năng chống vi khuẩn và chống nấm), có khả năng giúp bánh giữ được lâu mà không bị mốc.



(Ảnh minh họa. Nguồn ảnh: Internet)

Kế đến là gạo Nếp - nguyên liệu chính để làm ra bột bánh, là loại nếp ngon, hạt nhỏ, dẻo, thơm, mới, không lẫn gạo tẻ. Nếp được đem ngâm 4 giờ, xay nhuyễn, đãi khô, sau đó quét với lá gai đã luộc chín và một ít đường cát trắng đã được nấu sánh. Bột nếp trộn với lá gai và đường, giã nhiều lần trong cối cho thật dẻo. Khi giã, cho một chút dầu ăn cho khỏi dính cối đồng thời giúp bánh mịn màng. Những người làm bánh có kinh nghiệm sẽ đo lường tỉ lệ dầu ăn cho vào bao nhiêu giúp cho bánh béo mà không tạo vị ngán. Mọi thứ khi đã hoàn thành thì bạn chia bột thành từng miếng bột nhỏ.



(Ảnh minh họa. Nguồn ảnh: Internet)

Kế đến, người ta chuẩn bị nhân bánh. Với nhân bánh là đậu xanh thì thường đậu được đem ngâm, đãi vỏ, phơi khô và hấp. Sau khi chín, đậu được đem trộn với đường và giã mịn. Nếu dùng Dừa để làm nhân bánh, cũng chọn trái dừa già tới, không già đen (nếu già quá, nhân cứng, xảm, khô, không ngon mà hôi dầu...) sau đó bào sợi và xào với đường. Nếu làm bánh nhân mặn thì đem Thịt hay tôm xắt nhỏ xào chung với hành phi nêm gia vị mặn cho vừa. Nhân thành phẩm phải khô và được vo tròn thành những viên tròn to bằng quả chanh.



(Ảnh minh họa. Nguồn ảnh: Internet)

Khi tất cả đã chuẩn bị xong bắt đầu gói bánh. Tẽ phần bột đã chuẩn bị thành bánh mỏng hình tròn trên lòng bàn tay, rồi lấy viên nhân bánh đã vo tròn bỏ vào giữa, túm bốn bên lại cho khít mối, sau đó vo tròn trong lòng bàn tay. Lúc này, bột nếp đã bọc toàn bộ nhân bánh thành một khối tròn, sau đó dùng lá chuối bọc bánh lại theo hình tháp. Để gói bánh được đẹp và nhanh, đòi hỏi người gói phải khéo tay và có kỹ thuật. Nhìn cách gói bánh rất đơn giản, nhưng không phải ai cũng gói được. Cuối cùng là khâu hấp bánh. Bánh được đặt vào rổ đặt vào nồi để hấp, thời gian hấp là 1 tiếng đồng hồ hoặc khi bắt bánh lên bếp thì thắp một cây hương, khi nào hương tàn thì bánh chín.



(Ảnh minh họa. Nguồn ảnh: Internet)

Ngày nay, bánh ít không chỉ được dùng trong những dịp cúng bái, lễ tết mà còn được dùng như một thứ quà bánh mộc mạc, dân dã trong đời sống thường nhật và ẩn chứa nhiều ý nghĩa tốt đẹp.

(Tổng hợp từ nhiều nguồn)
